

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2020/HNGĐ - ST
Ngày 28 - 9 - 2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Hoàng Tỷ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Liêm

Ông Dương Thanh Hải.

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2020/QĐST – HNGĐ ngày 04/9/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Minh C, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 17 tháng 6 năm 2020 nguyên đơn chị Phạm Thị Đ trình bày: Chị và anh Lê Minh C kết hôn với nhau năm 2007, trên tình

thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, không quan tâm thương yêu lẫn nhau. Hiện nay chị và anh C đã sống ly thân với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Minh C. Về con chung: Chị và anh Lê Minh C có 02 người con chung tên: Lê Minh Đ, sinh ngày 09/11/2019 và Phạm Minh K, sinh ngày 24/02/2010. Hiện nay Phạm Minh K đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc và đơn xin vắng mặt ngày 09/9/2010 chị Phạm Thị Đ xác định lại hiện nay đối với hai người con chung là Lê Minh Đ và Phạm Minh K thì Lê Minh Đ hiện nay đi làm ở xa cùng người thân không biết địa chỉ cụ thể, không liên lạc được do đó không cung cấp được nguyện vọng của con, do đó chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi con đối với người con tên Lê Minh Đ. Đối với người con tên Phạm Minh K hiện nay đang sống cùng chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị xác định hiện nay vì điều kiện công việc nên chị đề nghị xin Tòa án được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày và không khiếu nại về việc vắng mặt của mình.

Anh Lê Minh C Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản Tố tụng của Tòa án cho anh và đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Phạm Thị Đ và bị đơn anh Lê Minh C Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Lê Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tuy nhiên anh C vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Lê Minh C tại phiên tòa. Chị Phạm Thị Đ có đơn xin xét

xử vắng mặt căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Đ tại phiên tòa.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Đ và anh Lê Minh C được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có đăng lý kết hôn theo quy định. Do đó hôn nhân giữa chị Phạm Thị Đ và anh Lê Minh C được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự quan tâm, thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng mặc dù đã được hàn gắn tuy nhiên vẫn không mang lại kết quả, hiện nay anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay. Xét thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa chị Đ và anh C thực tế phát sinh nhiều mâu thuẫn. Mặc khác trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến ngày xét xử chị Đ và anh C vẫn không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hôn nhân của chị Đ và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy nếu kéo dài tình trạng hôn nhân của anh chị thì cũng không thể đảm bảo mang lại hạnh phúc cho đôi bên do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Đ đối với anh Lê Minh C.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị Đ và anh Lê Minh C có 02 người con chung tên: Lê Minh Đ, sinh ngày 09/11/2009 và Phạm Minh K, sinh ngày 24/4/2010. Sau khi ly hôn đối với người con tên Lê Minh Đ chị Đẹp xác định hiện nay con đi làm cùng với người thân ở xa, không biết địa chỉ cụ thể, không liên lạc được nên chị không yêu cầu giải quyết. Đối với Phạm Minh K hiện nay đang sống cùng chị, sau khi ly hôn tùy theo nguyện vọng của con ở với ai thì người đó nuôi dưỡng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện nay chị Đ không cung cấp được địa chỉ, nguyện vọng của người con tên Lê Minh Đ cho Tòa án và chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết do đó không xem xét giải quyết việc nuôi con đối với Lê Minh Đ. Sau này khi nào xác định được địa chỉ, nguyện vọng của con nếu các đương sự có yêu cầu thì xem xét giải quyết thành vụ án khác.

Đối với Phạm Minh K có đơn nguyện vọng được sống cùng chị Đ. Xét thấy hiện nay cháu Phạm Minh K đã trên bảy tuổi, hiện nay đang sống cùng chị Đ vẫn phát triển bình thường về mọi mặt và có nguyện vọng được sống cùng chị Đ do đó tiếp tục giao cháu K cho chị Đ nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Lê Minh C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con theo luật định.

[5] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu

nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Phạm Thị Đ phải nộp 300.000 đồng. Chị Đ đã dự nộp 300.000 đồng được chuyển thu.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Đ anh Lê Minh C tại phiên tòa. Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Đ đối với anh Lê Minh C.

Giao cháu Phạm Minh K, sinh ngày 24/4/2010 hiện nay đang sống cùng chị Đ cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lê Minh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê Minh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị Phạm Thị Đ.

Tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Phạm Thị Đ phải nộp 300.000 đồng. Chị Phạm Thị Đ đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006232 ngày 17/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành

án dân sự”. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện N;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Tỷ

